

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2024/DS-ST**
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
V/v: “*Kiện đòi tiền phát sinh từ
hợp đồng thuê tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Công Ích

2/ Ông Phùng Văn Thị.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà H Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “*Kiện đòi tiền phát sinh từ hợp đồng thuê tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Dương Quốc H, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Khu 10, xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Người làm chứng: Anh Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu 5, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(*Bà N, anh H, anh T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Lê Thị Minh N trình bày:**

Năm 2021, xuất phát từ việc anh Dương Quốc H thuê xe ô tô của bà, sau đó anh H có nợ tiền thuê xe, tiền sửa chữa xe ô tô bị hư hỏng và làm mất 01 giấy bảo hiểm xe. Ngày 17/3/2022, anh H đã viết Giấy nhận nợ, xác nhận có nợ bà tổng cộng là 56.350.000 đồng, gồm các khoản sau: Tiền thuê xe: 36.000.000 đồng; tiền sửa chữa xe ô tô thuê bị hỏng: 20.000.000 đồng; tiền mua 01 giấy bảo hiểm xe: 350.000 đồng. Bà và anh H thoả thuận, số nợ trên sẽ tính lãi từ ngày viết giấy nhận nợ là ngày 17/3/2022, với lãi suất 1,6%/tháng, hạn đến ngày 20/4/2022 anh H sẽ trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay anh H không trả cho bà khoản tiền nào. Nhiều lần bà gọi điện đòi nợ thì anh H khất nợ và hứa sẽ trả. Sau đó, bà không liên

lạc được với anh H nữa. Gần đây bà được biết anh H đã chuyển khẩu về thành phố V, không dùng số điện thoại cũ nữa, nên bà không liên lạc được với anh H.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, buộc anh H phải trả cho bà số tiền nợ là 83.698.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 56.350.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/3/2022 đến hết ngày 26/9/2024 là 30 tháng 10 ngày = 56.350.000 đồng x 30 tháng 10 ngày x 1,6%/tháng = 27.348.000 đồng. Ngoài ra, anh H phải tiếp tục trả lãi cho bà 1,6%/tháng đối với số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 27/9/2024 theo như đã cam kết trong giấy nhận nợ ngày 17/3/2022.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2024, bị đơn là anh Dương Quốc H trình bày:**

Năm 2021, xuất phát từ việc anh có thuê xe ô tô của bà Lê Thị Minh N, nhưng do quá trình sử dụng xe, anh đã làm hư hỏng dẫn đến phải sửa chữa là làm mất giấy bảo hiểm xe ô tô. Tuy nhiên, không có tiền trả nên anh đã nợ lại bà N tiền thuê xe là 36.000.000 đồng; tiền sửa chữa xe ô tô thuê bị hỏng là 20.000.000 đồng và tiền mua 01 giấy bảo hiểm xe 350.000 đồng; tổng cộng là 56.350.000 đồng. (Năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 17/3/2022, anh có viết giấy nhận nợ, xác nhận anh có nợ bà Lê Thị Minh N tổng số tiền 56.350.000 đồng (bao gồm các khoản như trên) và hứa đến ngày 20/4/2022 sẽ hoàn trả lại cho bà N số tiền trên với lãi suất là 1,6%/tháng kể từ ngày 17/3/2022. Tuy nhiên, do khó khăn nên đến nay anh chưa trả được số tiền trên cho bà N.

Nay bà N yêu cầu anh trả nợ, anh đồng ý trả số tiền nợ gốc là 56.350.000 đồng và tiền lãi 1,6%/tháng, tính đến tháng 9/2024. Do điều kiện khó khăn, nên xin bà N không tính lãi từ tháng 10/2024. Anh sẽ trả dần hàng tháng cho bà N, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2024, người làm chứng là anh Đỗ Ngọc T1 trình bày:**

Anh không có quan hệ họ hàng, không có mâu thuẫn gì với bà Lê Thị Minh N, sinh năm 1960, cư trú tại: khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và anh Dương Quốc H, sinh năm 2003, trước đây cư trú tại: xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ, nay cư trú tại: xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Anh làm nghề sửa chữa ô tô tại khu 5, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khoảng tháng 3/2022, anh có nhận sửa chữa chiếc ô tô Kia Morning màu đỏ BKS 89A-053.90 của bà Lê Thị Minh N bị hư hỏng nặng, bị vỡ kính cửa phụ, vỡ kính hậu, vỡ bình nước phụ, hỏng quạt két nước, vỡ đèn pha, đèn hậu, nắp capo bị biến dạng, khung đầu xe bị biến dạng, hỏng ba đờ xôc, phải sơn lại toàn bộ xe, tổng chi phí hết 20.000.000 đồng. Anh được biết anh Dương Quốc H trong khi thuê chiếc xe này của bà N đã làm hư hỏng.

Ngày 17/3/2022, anh đã sửa xong chiếc xe này, anh H và bà N cùng có mặt tại xưởng của anh để kiểm tra lại xe và khi biết số tiền sửa xe là 20.000.000 đồng, anh H và bà N không có ý kiến gì về giá sửa xe cũng như tình trạng xe sau khi đã sửa xong. Tuy nhiên, anh H không có tiền để trả chi phí sửa xe nên đề nghị bà N thanh toán toàn bộ số tiền sửa xe cho anh, sau đó anh H viết giấy nhận nợ với bà N bao gồm tiền sửa xe 20.000.000 đồng, tiền thuê xe 36.000.000 đồng và tiền mua bảo hiểm xe (do anh H làm mất) là 350.000 đồng, anh H cam kết đến ngày 20/4/2022 sẽ trả đủ toàn bộ số tiền nợ trên cho bà N, lãi suất 1,6%/ tháng kể từ ngày 17/3/2022. Sau khi bà N và anh H đã cùng thống nhất toàn bộ các nội dung trên, anh H viết

“giấy vay nợ” ngày 17/3/2022 và ký vào bên Người viết giấy nợ, bà N ký vào bên Chủ nợ và anh ký vào người làm chứng Đỗ Ngọc T1.

Khi viết giấy này, bà N và anh H hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị đe dọa hay ép buộc. Việc ký kết giấy tờ thực hiện tại xưởng gara của anh tại khu 5, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau này, anh H có trả nợ đúng hạn hay không, anh không rõ.

* Kết quả xác minh tại Công an xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ: Công dân Dương Quốc H trước đây có HKTT tại khu Kiều Xuân, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, đến ngày 11/6/2024, Công an xã Q nhận được phiếu xác minh của Công an xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để đăng ký thường trú cho công dân Dương Quốc H, nội dung phiếu xác minh không đề cập mục đích chuyển khẩu của công dân. Hiện tại công dân không có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

* Kết quả xác minh tại Công an xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ: Anh Dương Quốc H hiện đăng ký thường trú tại khu 10, xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các điều 166; 274; 280; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh N. Buộc anh Dương Quốc H phải trả cho bà N số tiền gốc 56.350.000 đồng và 27.348.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 17/3/2022 đến ngày xét xử). Tổng số tiền anh H có N vụ phải trả cho bà N là: 83.698.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Dương Quốc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Dương Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.184.900 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Lê Thị Minh N khởi kiện, yêu cầu anh Dương Quốc H trả tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thuê tài sản, đây là Tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các bên giao kết và thực hiện hợp đồng thuê tài sản, cũng như lập văn bản xác nhận nợ đều tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Mặt khác, khi Tòa án thụ lý, bị đơn vẫn cư trú tại huyện T; hiện tại, bị đơn đã chuyển hộ khẩu thường trú về khu 10, xã TV, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, tuy nhiên bị đơn vẫn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T tiếp tục giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Dương Quốc H đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[1.4] **Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt, nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.**

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về số tiền nợ: Bà Lê Thị Minh N và anh Dương Quốc H đều xác nhận: Xuất phát từ việc anh H thuê xe ô tô của bà N năm 2021, làm mất bảo hiểm của xe và hư hỏng xe, đồng thời chưa thanh toán tiền thuê xe, nên hai bên thống nhất chốt nợ vào ngày 17/3/2022, anh H đã viết giấy nhận nợ với bà N, xác nhận số tiền anh H nợ bà N là tổng cộng là 56.350.000 đồng, gồm các khoản sau: Tiền thuê xe: 36.000.000 đồng, tiền sửa chữa xe ô tô bị hỏng: 20.000.000 đồng; tiền mua 01 giấy bảo hiểm xe ô tô: 350.000 đồng. Hai bên thỏa thuận tính lãi kể từ ngày viết giấy nhận nợ, với mức lãi suất là 1,6%/ tháng, hạn đến ngày 20/4/2022 anh H sẽ thanh toán. Khi hai bên thống nhất chốt nợ và anh H viết giấy nhận nợ, có mặt anh Đỗ Trọng T1, sinh năm 1993, trú tại khu 5, xã N, huyện T; anh T1 ký vào Giấy nhận nợ với tư cách người làm chứng. Vào thời điểm tính toán số tiền nợ cũng như đến nay bà N và anh H không thắc mắc, tranh chấp gì về các nội dung liên quan đến Hợp đồng thuê xe, nên Tòa án không xem xét về Hợp đồng đó.

Tuy nhiên, đến hạn, anh H không trả nợ như đã cam kết; từ đó đến nay cũng chưa trả cho bà N khoản tiền nào. Như vậy, anh H còn nợ bà N số tiền nợ gốc là 56.350.000 đồng và tiền lãi kể ngày 17/3/2022 đến nay với mức lãi suất là 1,6%/tháng.

[2.2] Về việc tính lãi: Ngày 17/3/2022, hai bên đã chốt nợ và thống nhất tính lãi từ thời điểm đó. Xét thấy mức lãi suất do hai bên tự nguyện thỏa thuận 1,6%/tháng là phù hợp, không vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm), cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi từ ngày 17/3/2022 đến hết ngày 26/9/2024 là 30 tháng 10 ngày = 56.350.000 đồng x 1,6%/tháng x 30 tháng 10 ngày = 27.348.533 đồng, làm tròn là 27.348.000 đồng.

[2.3]. Về phương thức, thời hạn trả nợ: Anh Dương Quốc H đồng ý trả nợ số tiền gốc là 56.350.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/3/2022 đến thời điểm tháng 9/2024, mức lãi suất 1,6%/tháng, xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, với lý do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị bà N không tính lãi từ tháng 10/2024 trở về sau. Tuy nhiên, bà N không đồng ý với ý kiến của anh H về phương thức, thời hạn trả nợ. Xét thấy, anh H nợ tiền bà N đã một thời gian dài, nay xin lãi chậm trả

sau khi Toà án giải quyết vụ án và trả dần là không đảm bảo quyền lợi của bà N, vì vậy không được chấp nhận.

[2.4]. Xét bà N yêu cầu anh H phải trả tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 26/9/2024 là 83.698.000 đồng, trong đó tiền gốc: 56.350.000 đồng; tiền lãi: 27.348.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh N được chấp nhận, nên bà N không phải chịu án phí. Anh Dương Quốc H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các điều: 166, 274, 289, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nghĩa vụ trả nợ:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh N.

Buộc anh Dương Quốc H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 26/9/2024 là 83.698.000 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng); trong đó tiền nợ gốc là 56.350.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); tiền nợ lãi là 27.348.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Quốc H phải nộp 4.184.900 đồng (Bốn triệu một trăm tám mươi tư nghìn chín trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Minh Hòa